

**Phụ lục II (Tiếp theo)**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC VIỆC LÀM**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 439 /QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**1. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (1.011548)**

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết**

<b>TT</b>	<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
<b>Bước 1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC</b>	Người lao động có nhu cầu vay vốn từ Quỹ lập hồ sơ vay vốn gửi trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án.	<b>Sáng:</b> từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; <b>Chiều:</b> từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc.
<b>Bước 2</b>	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b>	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do.</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện giải quyết theo quy trình.</p>	Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc ( <i>không để quá 03 giờ làm việc</i> ) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.

<b>Bước 3</b>	<b>Giải quyết TTHC</b>	Kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt.	15 ngày, trong đó:
		1. Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày
		2. Giải quyết hồ sơ	14,5 ngày
		- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương	9,5 ngày
		- Ủy ban nhân dân cấp huyện.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do đề Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.	05 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b>	<p>Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết TTHC trước thời hạn quy định.</li> <li>- Cá nhân nhận kết quả giải quyết TTHC tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án.</li> </ul> <p>Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều: từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc.</p>	0,5 ngày

## **1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

### **a) Thành phần hồ sơ**

- Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;

- Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

## **1.3. Đối tượng thực hiện TTHC: cá nhân (người lao động).**

## **1.4. Cơ quan giải quyết TTHC**

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**1.5. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

## **1.6. Phí, lệ phí: không.**

## **1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP).

## **1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

- ***Yêu cầu:*** dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

- ***Điều kiện:*** cá nhân có nhu cầu vay vốn đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

+ Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

### **1.9.Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Điều 1 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

### **1.10.Lưu hồ sơ (ISO)**

<b>Thành phần hồ sơ lưu</b>	<b>Bộ phận lưu trữ</b>	<b>Thời gian lưu</b>
<p>- Như mục 1.2;</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.</p>	<p>Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương và Cơ quan thực hiện dự án cấp Tỉnh</p>	<p>Từ 05 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Tỉnh.</p>
<p>Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế</p>		

một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.		
--	--	--

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ  
VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Số CCCD/CMND: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú<sup>(1)</sup>: .....

Điện thoại: .....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

☐ Người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số..... do Ủy ban nhân dân xã ..... cấp ngày .....

☐ Người dân tộc thiểu số ..... đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....  
.....

Nơi thực hiện dự án: .....

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

Vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng

Đề nghị ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng

(Bằng chữ:..... )

để dùng vào việc: ..... , cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: ..... tháng Trả gốc: ..... Trả lãi: .....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN .....**

Ông/bà: .....

*Có dự án được thực hiện tại địa phương.*

..., ngày... tháng... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày... tháng... năm ...  
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (1.011550)**

**2.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết**

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
<b>Bước 1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC</b>	Cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án.	<b>Sáng:</b> từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; <b>Chiều:</b> từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc.
<b>Bước 2</b>	<b>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ TTHC</b>	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do.</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện giải quyết theo quy trình.</p>	Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc ( <i>không để quá 03 giờ làm việc</i> ) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.
<b>Bước 3</b>	<b>Giải quyết TTHC</b>	Kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt.	15 ngày, trong đó:
		1. Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày
		2. Giải quyết hồ sơ	14,5 ngày



		- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương	9,5 ngày
		- Ủy ban nhân dân cấp huyện Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do đề Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.	05 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	<b>Trả kết quả giải quyết TTHC</b>	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả thực hiện như sau: - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết TTHC trước thời hạn quy định. - Cá nhân nhận kết quả giải quyết TTHC tại Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án. Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; Chiều: từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ của các ngày làm việc.	0,5 ngày

## 2.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

### a) Thành phần hồ sơ

(1) Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi thực hiện dự án theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

(2) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; hợp đồng hợp tác; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

(3) Giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, bao gồm:

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số: Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số;

+ Bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp;

+ Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của những người lao động là người dân tộc thiểu số. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động là người dân tộc thiểu số nhưng Ngân hàng Chính sách xã hội không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì yêu cầu cơ sở sản xuất kinh doanh nộp bản sao một trong các loại giấy tờ sau của những người lao động là người dân tộc thiểu số: Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**2.3. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).

**2.4. Cơ quan giải quyết TTHC**

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**2.5. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt Hồ sơ vay vốn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn.

**2.6. Phí, lệ phí:** không.

**2.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

**2.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

- ***Yêu cầu:*** dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

- ***Điều kiện:***

- + Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- + Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- + Có bảo đảm tiền vay: Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

**2.9. Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Điều 1 Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Điều 1 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

### 2.10. Lưu hồ sơ (ISO)

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Như mục 2.2;</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.</li> </ul>	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương và Cơ quan thực hiện dự án cấp Tỉnh	Từ 05 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Tỉnh.
Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.		

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ ÁN VAY VỐN**  
**HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: .....Fax: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: .....Cơ quan cấp: .....

Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....

5. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: .....  
 quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: ..... Ngày: ..... Do: .....  
 ủy quyền

6. Mã số thuế: .....

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)  
 Năm .....

- Tổng doanh thu: ..... đồng

- Tổng chi phí: ..... đồng

- Thuế: ..... đồng

- Lợi nhuận: ..... đồng

Năm .....:

- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng

## 2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

## III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án: .....

Nơi thực hiện dự án: .....

## 2. Nội dung dự án

### a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích): .....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ): .....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động): .....

### b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

### c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động: ..... người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): ..... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): ..... người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu: ..... đồng

- Tổng chi phí: ..... đồng

- Lợi nhuận: ..... đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng ... năm .....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng

(Bằng chữ: ..... )

để dùng vào việc: .....

4. Thời hạn vay: ... tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay: ..... đồng

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: ..... đồng

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: ..... đồng

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: ..... đồng

6. Trả gốc: ..... Trả lãi theo: .....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

--	--	--	--	--

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN .....**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ  
tên)